

Số: /TB-SKHCN

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2022

## **THÔNG BÁO**

### **Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021**

**Đơn vị được thông báo: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ**

**Mã chương: 417**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 28/3/2022;

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ như sau:

#### **I. Phần số liệu:**

##### **1. Số liệu quyết toán:**

###### **a) Thu phí, lệ phí**

- Tổng số thu trong năm: 25.950.000 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 25.950.000 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

*(Số liệu chi tiết theo Biểu 1a đính kèm)*

###### **b) Quyết toán chi ngân sách:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 17.196.215.092 đồng (*Trong đó: Nguồn CCTL 103-14: 2.074.450.000 đồng; Nguồn CCTL KTC 341-14: 29.185.710 đồng; Nguồn Kinh phí TC 341-13: 20.042.191 đồng; nguồn Đề tài, dự án: 15.072.537.191*).

- Dự toán được giao trong năm: 24.671.742.609 đồng, trong đó:
  - + Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (341-13): 2.389.830.505 đồng
  - + Nguồn đào tạo (085-12): 34.120.000 đồng
  - + Nguồn CCTL (341-14): 34.453.000 đồng (*Tự chủ: 33.600.000 đ; không tự chủ: 853.000 đồng*)
  - + Nguồn CCTL (103-14): 2.037.400.000 đồng
  - + Nguồn kinh phí thường xuyên không TC (341-12): 3.098.949.104 đồng
  - + Nguồn sự nghiệp (103-12): 5.544.416.415 đồng

- + Nguồn đề tài, dự án (103-16): 11.432.573.585 đồng
- + Kinh phí đầu tư XD CB (103-42): 100.000.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 30.385.303.619 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 18.352.926.240 đồng, trong đó:
  - + Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (341-13): 2.278.648.856 đồng
  - + Nguồn đào tạo (085-12): 34.120.000 đồng
  - + Nguồn CCTL (103-14): 409.100.000 đồng
  - + Nguồn kinh phí thường xuyên không TC (341-12): 3.078.636.567 đồng
  - + Nguồn sự nghiệp (103-12): 4.659.641.525 đồng
  - + Nguồn đề tài, dự án (103-16): 7.840.981.124 đồng
  - + Kinh phí đầu tư XD CB (103-42): 51.798.168 đồng
  - Kinh phí giảm trong năm: 1.091.845.173 đồng, cụ thể:
    - + Kinh phí sự nghiệp (nguồn 103-12): 884.774.890 đồng (gồm kinh phí giữ lại phục vụ công tác PCD covid-19: 815.228.415 đồng, hủy dự toán: 69.546.475 đồng).
    - + Kinh phí thường xuyên tự chủ (nguồn 341-13): 27.055.914 đồng (kinh phí giữ lại phục vụ công tác PCD covid-19).
    - + Kinh phí thường xuyên không tự chủ (nguồn 341-12): 20.312.537 đồng (hủy dự toán).
    - + Nguồn đề tài, dự án (103-16): 130.000.000 đồng (thực hiện thu hồi kinh phí theo KL kiểm toán nhà nước)
    - + Kinh phí đầu tư XD CB (103-42): 29.701.832 đồng (do không còn nội dung chi trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư)
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 22.423.186.288 đồng, bao gồm:
  - + Kinh phí đã nhận nhưng chưa chi: 10.390.808.909 đồng (trong đó: (14-341TC): 33.600.000 đồng; (14-341KTC): 30.038.710 đồng; (13-341): 104.167.926 đồng; (103-14): 3.702.750.000 đồng; (103-16): 6.520.252.273 đồng);
  - + Dự toán đã rút tạm ứng cho nhà cung cấp: 12.032.377.379 đồng (trong đó: (103-16): 12.013.877.379 đồng; (103-42): 18.500.000 đồng).

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c1; 2c2 đính kèm)

## **2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính**

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 201.137.000 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 156.372.000 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 44.765.000 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

### **3. Thuyết minh số liệu quyết toán:**

#### **a. Nguồn kinh phí không thường xuyên:**

- Kinh phí sự nghiệp (103-12): Dự toán còn lại hủy không thực hiện 69.546.475 đồng (các khoản kinh phí tiết kiệm từ chi hội thảo, hội nghị do covid và tiết kiệm kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp do không đủ hồ sơ xét hỗ trợ);

- Kinh phí thực hiện đề tài, dự án (103-16): Thực hiện thu hồi kinh phí theo KL kiểm toán nhà nước: 130.000.000 đồng

- Kinh phí không tự chủ (341-12): hủy kinh phí 20.312.537 đồng, trong đó chưa mua sắm trang phục thanh tra 7.677.000 đồng (do văn phòng Sở đã điều thanh tra viên về làm việc tại Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng); tiết kiệm kinh phí sửa chữa VP Sở: 12.635.537 đồng

b. Nguồn dự án đầu tư: Hủy kinh phí 29.701.832 đồng (do không còn nội dung chi trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư).

c. Kinh phí quản lý nhà nước thực hiện chi đúng với dự toán được giao.

### **II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng ,
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm)

### **III. Kết luận:**

Văn phòng Sở đã chấp hành tốt việc nộp báo cáo quyết toán năm 2021 đúng thời gian quy định; số liệu báo cáo quyết toán đúng với số Kho bạc nhà nước xác nhận; quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tuân thủ các định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Nhà nước và chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Đề nghị Văn phòng Sở tiếp tục theo dõi và quản lý các nguồn kinh phí hiện còn tại đơn vị./.

#### **Nơi nhận:**

- Đơn vị;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Tiến Dũng**

